TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/4/2018.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Tấn Phước.
2. Ông Trần Thành Minh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Cẩm Thoang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Trung Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2016/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Bà Lê Thị M, sinh năm: 1959; Có mặt.
2. **Bị đơn**: Ông Hồ Đức H**,** sinh năm: 1955; Vắng mặt không có lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn ngày 14/9/2015, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông H tự nguyện kết hôn năm 1979. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì ông H nhiều lần đánh đập, chửi bới, sỉ nhục bà M, ngoài ra ông H còn ngoại tình với người phụ nữ khác, vợ chồng không còn sống chung với nhau hơn 10 năm. Nay bà M yêu cầu giải quyết ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Hồ Kim C, sinh năm 1979, Hồ

Kim H, sinh năm 1981 và Hồ Thị Kim T, sinh năm 1985. Nay con đã trưởng thành, đã lập gia đình riêng nên bà M không yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Bị đơn ông Hồ Đức H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cũng như thời gian mở phiên tòa nhưng ông H không tham gia. Mặt khác, vào ngày 06/10/2009 ông H gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện P để ly hôn với bà M.

Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà M, cho ly hôn giữa bà M và ông H; Về con chung: Các con đã trưởng thành, bà M không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét; Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét; Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ông Hồ Đức H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

***Về quan hệ hôn nhân*:** Bà Lê Thị M và ông Hồ Đức H tự nguyện kết hôn với nhau năm 1978 tại Ủy ban nhân dân xã H (Giấy khai đăng ký kết hôn ngày 19/4/1978). Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã không sống chung với nhau hơn 10 năm, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M. Cho ly hôn giữa bà Lê Thị M và ông Hồ Đức H.

Về con chung: Bà M và ông H có 03 con chung là Hồ Kim C, sinh ngày 01/6/1979; Hồ Kim H, sinh ngày 01/8/1981 và Hồ Thị Kim T, sinh ngày 25/5/1985. Các con đã trưởng thành, bà M không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Bà M xác định không nợ ai không ai nợ vợ chồng nên HĐXX không xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bà Lê Thị M phải chịu án phí HNGĐ-ST 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), bà M đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002961 ngày 28/03/2016 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa bà Lê Thị M và ông Hồ Đức H.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, bà M không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

Về nợ chung: Bà M xác định không nợ ai không ai nợ vợ chồng nên HĐXX không giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bà Lê Thị M phải chịu án phí HNGĐ-ST 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) bà M đã đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002961 ngày 28/3/2016 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận
- *Các đương sự;*
- *Viện KSND huyện P.Hòa*
- *TAND tỉnh Phú Yên*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
đã ký

Nguyễn Thanh Hưng